

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 3 – 2026

Về việc ly hôn, tranh chấp

nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn

2. Ông Danh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 13/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị D, sinh ngày 01/01/1992 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095192006916, cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Phạm Vũ L, sinh ngày 01/01/1988 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095088007101, cấp ngày 17/8/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2025 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Hồ Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Vũ L chung sống vợ chồng từ năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 08 tháng 4 năm 2010. Thời gian đầu, chị và anh L chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2025 (dương lịch), chị và anh L có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh L1 thường xuyên say xỉn, rồi dùng dao đe dọa chị. Từ đầu tháng 11 năm 2025 (dương lịch), chị đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh L1 nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 06/8/2018 và cháu Phạm Thị Mỹ N1, sinh ngày 14/5/2010, chị không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu N và cháu N1 đang sống chung với chị. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Hồ Thị D ly hôn với anh Phạm Vũ L. Về con chung, giao Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 06/8/2018 và cháu Phạm Thị Mỹ N1, sinh ngày 14/5/2010 cho chị Hồ Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Vũ L. Khi khởi kiện, anh Phạm Vũ L trú tại ấp B, xã V huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp cho người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị D và anh L1.

[3] Về hôn nhân: Chị D và anh L1 xây dựng hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P (nay là xã V, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, cấp ngày 08/4/2010 nên hôn nhân giữa chị D và anh L1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị D xác định thời gian đầu, chị D và anh L1 chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2025 (dương lịch), chị D và anh L1 phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Từ đầu tháng 11 năm 2025 (dương lịch), chị D và anh L1 đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị D và anh L1 có liên lạc nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, như vậy anh L1 đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị D và anh L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị Hồ Thị D được ly hôn với anh Phạm Vũ L.

[4] Về con chung: Chị Hồ Thị D và anh Phạm Vũ L có hai người con chung là cháu Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 06/8/2018 và cháu Phạm Thị Mỹ N1, sinh ngày 14/5/2010, chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu N1, chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L1 đã được Tòa án thông báo ý kiến của chị D nhưng anh L1 không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với chị D. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Phạm Thị Mỹ N và cháu Phạm Thị Mỹ N1 cùng ngày 13/02/2026 thể hiện hai cháu muốn tiếp tục sống với chị D. Xét thấy, từ khi ly thân, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Phạm Thị Mỹ N và cháu Phạm Thị Mỹ N1, các cháu đều được chăm sóc tốt và được tạo điều kiện phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Phạm Thị Mỹ N và cháu Phạm Thị Mỹ N1, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho chị Hồ Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Mỹ N và cháu Phạm Thị Mỹ N1. Anh Phạm Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Phạm Vũ L không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp cho người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hồ Thị D đối với anh Phạm Vũ L. Cho chị Hồ Thị D ly hôn với anh Phạm Vũ L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 06/8/2018 và cháu Phạm Thị Mỹ N1, sinh ngày 14/5/2010 cho chị Hồ Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Phạm Thị Mỹ N và cháu Phạm Thị Mỹ N1 đang sống với chị Hồ Thị D. Anh Phạm Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Hồ Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Hồ Thị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000454 ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí. Anh Phạm Vũ L không phải chịu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào

